**Tiết 93**

**MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Phân tích và đánh giá được một số yếu tố về nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp, ...) và hình thức (mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lý lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, độc đáo.

- Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc biểu cảm, miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận; xác định được mục đích, quan điểm của người viết và thể hiện được quan điểm cá nhân về nội dung của văn bản.

**2. Về năng lực:**

**- Về năng lực chung:** Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua hoạt động đọc, viết, nói, nghe, năng lực hợp tác thông qua làm việc nhóm.

**- Về năng lực đặc thù:** Phát triển năng lực đọc hiểu và viết văn nghị luận, phát triển năng lực ngôn ngữ thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm đáp ứng nhu cầu cần đạt như sau:

+ Nhận biết và phân tích được nội dung, mối quan hệ các luận đề, luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng tiêu biểu. Xác định được ý nghĩa của văn bản, xác định được vai trò của yếu tố biểu cảm, miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận.

+ Nhận biết và phân tích được tính mạch lạc, tính liên kết của đoạn văn và văn bản, từ đó hiểu và sửa lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn và văn bản.

**3. Phẩm chất:**

Giữ gìn và phát huy những giá trị nhân văn cao đẹp (nhân ái, sẻ chia, trách nhiệm)

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, …

**2. Học liệu:** SGK *Ngữ văn 11* - Tập 2, sách bài tập đọc hiểu; sách luyện viết,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. **DẠY HỌC ĐỌC HIỂU**

**MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA**

**1. TRƯỚC GIỜ HỌC**

\* GV hướng dẫn HS:

- Tìm hiểu về nhà phê bình Hoài Thanh và tác phẩm Thi nhân Việt Nam.

- Đọc trước đoạn trích Một thời đại trong thi ca

**2. TRONG GIỜ HỌC**

**Hoạt động 1: Khởi động và xác định vấn đề**

1.1. Mục tiêu: Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS. Đồng thời, qua đó, nêu nhiệm vụ học tập.

1.2. Nội dung: Kiến thức, vốn sống của HS có liên quan đến bài học.

1.3. Sản phẩm: tên tác giả thơ Mới

1.4. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| Tuỳ từng bối cảnh dạy học, GV có thể lựa chọn cách sau (hoặc sáng tạo cách khác):  - Cách 1: GV tổ chức thi Nhìn hình đoán tên nhà thơ: Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử  Nội dung: Hs trả lời nhanh nhất giành chiến thắng  – Cách 2: Yêu cầu HS thực hiện phiếu học tập (theo kĩ thuật KWL),điền thông tin vào cột (1) và cột (2), thông tin ở cột (3) sẽ điền sau khi đã đọc hiểu văn bản.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | PHIẾU HỌC TẬP: Về văn nghị luận | | | | (1)  Những điều em đã biết | (2)  Những điều em muốn biết | (3)  Những điều em biết thêm | | …………………...  …………………...  …………………...  …………………... | …………………...  …………………...  …………………...  …………………... | …………………...  …………………...  …………………...  …………………... |   HS làm việc cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu của GV.  GV yêu cầu HS trình bày, nhận xét sản phẩm của HS.  GV nhận xét, khen thưởng, biểu dương HS rồi nêu nhiệm vụ học tập: tìm hiểu văn nghị luận qua đoạn trích Một thời đại trong thi ca | Bài trình bày sản phẩm theo yêu cầu của GV (bằng miệng hoặc kết hợp các phương tiện hỗ trợ). |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức, kĩ năng mới**

2.1. Mục tiêu

- Phân tích và đánh giá được một số yếu tố về nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp, ...) và hình thức (mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lý lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, độc đáo.

- Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc biểu cảm, miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận; xác định được mục đích, quan điểm của người viết và thể hiện được quan điểm cá nhân về nội dung của văn bản.

- Hình thành các kĩ năng, năng lực cần đạt được sau khi học.

2.2. Nội dung: Đọc văn bản; vận dụng các tri thức công cụ đã được cung cấp trong phần *Kiến thức ngữ văn* và *Chuẩn bị* vào đọc hiểu hình thức và nội dung của văn bản; trả lời các câu hỏi đọc hiểu sau văn bản.

2.3. Sản phẩm: Bài trình bày bằng miệng hoặc Phiếu học tập đã hoàn thành.

2.4. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **I. Đọc và tìm hiểu chung** | |
| **A-Một số tri thức về thể loại văn nghị luận**  ***\*Bước 1.* GV giao nhiệm vụ:**  GV giao PHT về nhà cho HS tìm hiểu về đặc trưng của văn bản nghị luận (luận đề, luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu)  ***\*Bước 2.*** ***Thực hiện nhiệm vụ***  HS tự đọc và tìm hiểu phần kiến thức Ngữ văn, hoàn thành PHT ở nhà  ***\*Bước 3.* *HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ***  HS trình bày PHT trước lớp  \****Bước 4. GV Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV chốt, bổ sung  **B.Một thời đại trong thi ca**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  GV chia lớp thành 04 nhóm (ứng với 4 tổ):  **- Nhóm 1:** Trình bày về tác giả Hoài Thanh  **- Nhóm 2:** Trình bày về Phong trào Thơ mới  **- Nhóm 3:** Trình bày về tác phẩm *“Thi nhân Việt Nam”*  + Các phương diện nghiên cứu  + Ý nghĩa  + Bố cục  **- Nhóm 4:** Trình bày về *“Một thời đại trong thi ca”*  +Vị trí đoạn trích ?  +Nội dung đoạn trích?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**:  + Học sinh thảo luận  + Giáo viên giúp đỡ HS hoàn thành sản phẩm  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Mỗi nhóm cử 1 HS trình bày sản phẩm của nhóm  - Các HS khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  *GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức qua trình chiếu slide.*  GV: **Quá trình phát triển của Phong trào thơ mới:** mở đầu bằng những cuộc tranh luận sôi nổi giữa thơ cũ và thơ mới. Tuy có sự chống trả quyết liệt nhưng thơ mới toàn thắng.  - Giai đoạn đầu ( 1932-1934) có nhiều bài non nớt nhưng không ít bài hay, trẻ trung, tươi mát, hấp dẫn. Thơ mới trong mấy năm đầu chất chứa lòng yêu nước, khát vọng tự do mãnh liệt với giọng thơ hùng tráng đầy cảm hứng lãng mạn của Thế Lữ, huy Thông, nụ cười hóm hỉnh của Nguyễn nhược Pháp, …  - Nửa sau những năm 30: cái tôi không còn bỡ ngỡ dè dặt mà táo bạo, mãnh liệt chân thành hơn, tâm điểm là Xuân Diệu và Huy Cận. Giai đoạn này xuất hiện nhiều bài về đồng quê  (Anh Thơ), trường thơ loạn-điên của Hàn Mặc Tử. Bích Khê mở rộng với thế giới nghệ thuật: từ cuộc sống đời thường vào thế giới tâm linh.  - Những năm cuối: nổi lên xu hướng siêu thoát, triét lí bí ẩn, tìm tòi cách tân về hình thức, tìm cảm giác trong rượu, thuốc phiện. Tuy nhiên vẫn là giọng thơ về tình yêu, quê hương cuộc đời: Tế hanh, nguyễn Bính, Hồ Dếnh.. | **A-Một số tri thức về thể loại văn nghị luận**  **1.Khái niệm**  Văn nghị luận là một thể loại văn mà trong bài tác giả dùng chủ yếu các lý lẽ, các dẫn chứng sau đó tiến hành lập luận chỉ ra các những điểm nhấn nhằm xác định cho người đọc, người nghe thấy được tư tưởng, quan điểm của mình gửi gắm vào tác phẩm.  **2. Đặc điểm**  - Trong văn nghị luận không thể thiếu luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng. Luận điểm, lý lẽ tiêu biểu, độc đáo là ý đúng, ý sâu, ý mới của người viết, khiến người đọc cảm thấy thích thú, tâm đắc. Dẫn chứng tiêu biểu là những dẫn chứng điển hình, có tác dụng soi sáng luận điểm hoặc lý lẽ.  - Trong văn bản nghị luận, các yếu tố thuyết minh hoặc biểu cảm, miêu tả, tự sự được sử dụng kết hợp với những yếu tố nghị luận để tăng cường tính thuyết phục cho luận đề, luận điểm.  - Nhờ các yếu tố thuyết minh hoặc biểu cảm, miêu tả, tự sự mà lý lẽ và dẫn chứng (số liệu, sự vật, hiện tượng, sự việc, con người…) trở nên cụ thể và sinh động, giúp cho văn bản nghị luận vừa giàu chất trí tuệ, vừa gợi hình, gợi cảm.  **B.Một thời đại trong thi ca**  **I. Tác giả và tác phẩm**  **1.Tác giả: Hoài Thanh (1909-1982)**  **- Tên khai sinh:** Nguyễn Đức Nguyên, xuất thân trong gia đình nhà nho nghèo yêu nước.  - **Quê quán:**  Xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.  **- L**à nhà phê bình văn học xuất sắc nhất của văn học Việt Nam hiện đại.  - Sự nghiệp văn học: V*ăn chương và hành động* (1936), *Thi nhân Việt Nam* (1942), *Nói chuyện thơ kháng chiến* (1950)…  - Được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về VH-NT năm 2000.  **2.** **Phong trào thơ mới – một thời đại trong thi ca**  - **Hình thành:** 1932 và phát triển đến 1945  **- Phát triển:**  + Buổi đầu: có nhiều bài non nớt nhưng không ít bài hay, trẻ trung, tươi mát, hấp dẫn.  + Nửa sau những năm 30 (1935-1939) phát triển ở đỉnh cao.  + Những năm cuối (1940-1945) có dấu hiệu khủng hoảng nhưng có bước đột phá.  - **Vai trò thơ mới:**  + Đánh dấu một bước tiến nhiều ý nghĩa của VHVN hiện đại.  + Như một cuộc CM trong thi ca -> góp phần làm phong phú tâm hồn con người mở ra một thế giới cảm xúc nhiều cung bậc và hương sắc, đem đến một sức sống mới, một bộ mặt mới.  **3. Tác phẩm: *“Thi nhân Việt Nam”***  - Công trình biên khảo có độ tin cậy cao về phong trào thơ mới (1932-1945) trên các phương diện: nghiên cứu, phê bình, tuyển thơ.  - Ra đời năm 1942 có ý nghĩa như một công trình tổng kết nổi bật trong đời sống VH đương thời.  - **Bố cục**:  + Tấm ảnh Tản đà và bài “Cung chiêu anh hồn Tđà”  + Bài tiểu luận: *“Một thời đại trong thi ca”*  + Giới thiệu và tuyển thơ của các nhà thơ mới: 169 bài thơ của 46 nhà thơ (1932 – 1941)  + Lời bạt – tâm sự của tác giả.  **4. Đoạn trích**: *“Một thời đại trong thi ca”*  **- Vị trí:** Đoạn trích thuộc phần đầu của quyển “***Thi nhân Việt Nam***”, là phần cuối của tiểu luận “*Một thời đại trong thi ca”.*  **- Nội dung**: *Tinh thần thơ mới***.** | |
| **II. Đọc hiểu văn bản** | |
| **\**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV định hướng HS đọc văn bản:  (Đây là bài văn nghị luận, các con hãy đọc với giọng văn làm sao truyền tải được thông điệp mà tác giả muốn hướng đến)  - Yêu cầu học sinh chú ý theo dõi bài đọc, GV sẽ gọi đọc nối tiếp để kiểm tra mức độ chú tâm của HS.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc nối tiếp.  - GV điều phối cho HS đọc một đoạn (không đọc hết cả bài)  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - HS nhận xét cách đọc của bạn  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá cách đọc | **1. Đọc - chú thích** |
| **GV hướng dẫn Hs đọc hiểu chi tiết văn bản**  GV hướng dẫn hs tìm hiểu chi tiết văn bản  Gv kết hợp vừa đặt vấn đề vừa dẫn dắt gợi mở kiến thức  - Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ  Gv sử dụng phiếu học tập số 1 cho HS xác định vấn đề bàn luận và hệ thống các luận điểm trong đoạn trích?    -B2 : Thực hiện nhiệm vụ  -B3 : Báo cáo  -B4 : kết luận.  **GV chia lớp thành 3 nhóm : Tìm hiểu về 3 luận điểm, các lí lẽ, dẫn chứng tác giả sử dụng để chứng minh cho luận điểm. Nhận xét cách tác giả lập luận và tình cảm, thái độ của tác giả với vẫn đề được nói đến.**  **Nhóm 1: Tìm hiểu về quan điểm của tác giả trong việc xác định tinh thần Thơ mới.**  **Nhóm 2: Tinh thần Thơ mới là ở cả chữ Tôi**  **Nhóm 3: Cách giải quyết bi kịch**  - Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ  Sử dụng phiếu học tập số 2    -B2 : Thực hiện nhiệm vụ  -B3 : Báo cáo  -B4 : kết luận, đánh giá | **2. Đọc hiểu chi tiết**  - Vấn đề đoạn trích: Tinh thần thơ mới. Đây là nội dung bản chất, cốt lõi, chi phối toàn bộ thơ mới.  - Tác giả triển khai vấn đề bằng ba luận điểm:  + Quan điểm của tác giả trong việc xác định tinh thần thơ mới.  + Tinh thần thơ mới là ở cả chữ tôi.  + Cách giải quyết bi kịch cái tôi thơ mới.  **a. Quan điểm của tác giả trong việc xác định tinh thần Thơ mới.**  - Khó khăn: Thơ mới và thơ cũ không có sự phân biệt rạch ròi dễ nhận ra. Trong Thơ mới, Thơ cũ đều có những bài hay, bài dở, bài hay ít, bài dở nhiều. Đó là khó khăn phức tạp nhất.  - Quan điểm của Hoài Thanh:  + Không căn cứ vào cục bộ và bài dở (Vì cái dở chẳng tiêu biểu cho cài gì hết).  + Phải căn cứ vào đại thể (khái quát bản chất phổ biến nổi bật) và bài hay.  - Lí do: “Cái cũ và cái mới vẫn nối tiếp nhau thay đổi, thay thế nhau: Hôm nay phôi thai từ hôm qua, và trong cái mới vẫn còn rơi rớt ít nhiều cái cũ.”  - Nhận xét: Tác giả sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu. Nhưng không so sánh tỉ mỉ, vụn vặt, cá thể mà so sánh thời đại cùng thời đại và so sánh trên đại thể.  Đây là quan điểm đúng đắn, khoa học mà tác giả đặt ra ngay từ đầu để định hướng ngòi bút và định hướng sự tiếp nhận của người đọc.  **b. Tinh thần Thơ mới là ở cả chữ Tôi**  Hai luận cứ:  + Cái Ta trong thơ cũ và cái Tôi trong thơ mới.  + Bi kịch của cái Tôi trong thơ mới.  **\*Cái Ta trong thơ cũ và cái Tôi trong thơ mới.**  - Cái Ta- thơ cũ:  + Ý thức đoàn thể.  + Tác giả không dám dùng chữ Tôi, không tự xưng, ẩn mình sau chữ Ta- chữ chỉ chung cho nhiều người.  - Cái Tôi- thơ mới:  + Ý thức cá nhân.  + Xuất hiện trong thơ văn không biết từ lúc nào: bỡ ngỡ, lạc loài (vì quá mới mẻ, thể hiện quan niệm chưa từng thấy ở xứ này: quan niệm cá nhân).  + Trong văn học trung đại: Cái Tôi mờ nhạt, tương đối, chìm đắm trong cái chung như giọt nước chìm trong biển cả.  + Cái tôi với ý nghĩa cá nhân tuyệt đối xuất hiện giữa thi đàn Việt Nam vào những năm 20 của thế kỉ XX  - Nhận xét: Cách diễn đạt ngắn gọn, súc tích thể hiện sự tự tin trong khám phá và kết luận khoa học. Biện pháp so sánh đối chiếu đã làm nổi bật cái ta trong thơ cũ và cái Tôi trong thơ mới, giúp người đọc có cái nhìn sâu sắc toàn diện hơn.  **\* Bi kịch của cái Tôi trong Thơ mới.**  - Đoạn văn: “Đời chúng ta nằm trong vòng chữ Tôi cùng Huy Cận”.  - Đoạn văn khái quát chính xác, sâu sắc những biểu hiện chung, riêng, gần nhau và khác nhau của tinh thần thơ mới với phong cách- tư tưởng của các nhà thơ tiêu biểu  - Đặc sắc của đoạn văn: ngắn gọn, khái quát, cụ thể, không những chỉ ra ngưyên nhân mà còn thấy cả tiến trình và báo trước kết quả của tinh thần thơ mới.  - Lời văn sôi nổi với các từ “ta” (chúng ta, nhà nghiên cứu, người đọc) như đang đồng hành, sáng tạo, đồng cảm cùng những nhà thơ mới tài hoa nhất.  - Cụ thể:  + Cái chung: chữ Tôi. Nguyên nhân thực trạng: Mất bề rộng => Con đường vượt thoát: Tìm bề sâu => Kết quả: Bế tắc, càng đi sâu càng thấy lạnh.  + Cái riêng: Mỗi nhà thơ một khác nhau trên con đường vượt thoát, kết quả cũng mang màu sắc khác nhau:  Thế Lữ lên tiên nhưng động tiên đã khép.  Lưu Trọng Lư: phiêu lưu trong trường tình nhưng tình yêu không bền.  Hàn Mặc Tử- Chế Lan Viên: điên cuồng rồi tỉnh.  Xuân Diệu: say đắm nhưng vẫn bơ vơ.  Huy Cận: ngẩn ngơ buồn và sầu.  => Bi kich cái Tôi trong thơ mới: đáng thương, tội nghiệp, bơ vơ, lạc lõng trước cuộc đời. Nỗi buồn lan toả khắp trời đất, gieo khổ đau trong hồn người thanh niên.  - Nguyên nhân bi kịch:  + Do hoàn cảnh xã hội đương thời không cho người thanh niên nhiều khát vọng quyền sống đúng nghĩa.  + Do bản thân cái Tôi khi tách ra khỏi cái Ta đã mất đi điểm tựa vững chắc, trở nên bơ vơ, lạc lõng, thiếu tự tin  - Nhận xét: Nhận định xá đáng, tinh tế, câu văn mềm mại uyển chuyển, giọng văn đồng cảm, chia sẻ. tác giả còn khắc hoạ bi kịch bằng hình ảnh so sánh mềm mại tinh tế.  **c. Cách giải quyết bi kịch**  - Con đường:  +Gửi cả vào tình yêu tiếng Việt- tiếng mẹ đẻ thân thương.  +Tìm về dĩ vãng.  - Vì: Tiếng Việt là tấm lụa hứng vong hồn bao thế hệ người Việt trong qua khứ và hiện tại. Lớp thanh niên dùng tiếng Việt để bày tỏ tình yêu quê hương đất nước. Tiếng Việt bất diệtcũng như dân tộc Việt nam mãi mãi trường tồn.  - Nhận xét: Đó là con đường riêng của thơ mới, cũng có những tác dụng nhất định nhưng còn hạn chế trong hoàn cảnh đất nước còn nô lệ, phản ánh ý thức, tâm lí chủ quan của các nhà thơ mới. Tuy nhiên nó cũng rất đáng được lịch sử ghi nhận và trân trọng.  Hoài Thanh đã thể hiện tình cảm trân trọng thiết tha ấy qua hệ thống hình ảnh giàu cmả xúc: “gửi cả, yêu vô cùng, chia sẻ buồn vui, dồn tình yêu, hứng vong hồn”  III. Tổng kết  1. Nghệ thuật  - Sự kết hợp hài hoà giữa tính khoa học và tính nghệ thuật:  + Tính khoa học: Hệ thống luận điểm chuẩn xác, mới mẻ, sắp xếp mạch lạc. Dẫn chứng chọn lọc, lập luận chặt chẽ, thuyết phục. Sử dụng biện pháp so sánh đối chiếu ở cấp độ phù hợp, mang lại hiệu quả.  + Tính nghệ thuật: lời văn thấm đẫm cảm xúc, giọng điệu thay đổi linh hoạt, cảm xúc người viết nồng nhiệt, gây truyền cảm, đồng cảm cao.  =>Một cách viết văn nghị luận văn chương dễ hiểu mà rất tài hoa, tinh tế, hấp dẫn.  2. Nội dung  Khẳng định sự thắng lợi của Thơ mới, ủng hộ mặt tích cực, lí giải bi kịch cái Tôi, cách giải quyết bi kịch của cái tôi trong thơ mới.  - Cách nhìn nhận đúng đắn, khoa học vấn đề thơ mới, cái nhìn tiến bộ xuất phát từ chính tâm hồn người viết. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu*:*** Giúp HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề trong cuộc sống thực tiễn; nâng cao kĩ năng tạo lập văn bản nói, góp phần hướng tới đạt được các mục tiêu cụ thể trong việc vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

***b. Nội dung:*** HS thực hiện trả lời các yêu cầu của giáo viên:

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:Sử dụng kĩ thuật Think – Pair- Share**  Description: (Ảnh: Let's Discover the Doors of Knowledge - WordPress.com)  **GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm**: Câu hỏi 6  Văn bản *Một thời đại trong thi ca* có đoạn:  “Chưa bao giờ người ta thấy xuất hiện cùng một lần […] và thiết tha, rạo rực, băn khoăn như Xuân Diệu”.  Đoạn văn trên giúp em có thêm những hiểu biết gì:  - Đặc điểm ngôn ngữ trong văn bản nghị luận văn học (phê bình văn học) của Hoài Thanh?  - Phong trào Thơ mới 1932-1945?  - Hãy tìm câu thơ để minh chứng cho hồn thơ của từng tác giả  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**:  - HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo kĩ thuật Think – Pair- Share.  ***+B1: Think (Nghĩ)****: HS suy nghĩ độc lập về vấn đề được nêu ra; tự hình thành nên câu trả lời của mình.*  **+B2: Pair (Bắt cặp):** HS được ghép cặp với nhau để thảo luận về những ý tưởng vừa có. GV có thể yêu cầu HS thảo luận theo cặp cùng bàn.  **+B3:** **Share (Chia sẻ):** HS chia sẻ ý tưởng vừa thảo luận với nhóm lớn hơn hoặc chia sẻ trước lớp.  - Gv quan sát, khích lệ và hỗ trợ nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn.  - GV nhận xét thái độ trong quá trình làm việc và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS, chốt ý.  **BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM:**  -Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ  HS tham gia trò chơi Ô số may mắn    **Câu 1 : Tác phẩm phê bình văn học được đánh giá là xuất sắc nhất của Hoài Thanh?**  A. Văn chương và hành động  B. Thi nhân Việt Nam  C. Nói chuyện thơ kháng chiến  D. Có một nền văn hóa Việt Nam  Chọn đáp án : B  **Câu 2 : Bài tiểu luận “Một thời đại trong thi ca” nằm ở vị trí nào trong cuốn Thi nhân Việt Nam?**  A. Phần giới thiệu  B. Phần đầu  C. Phần thứ hai  D. Phần thứ ba  Chọn đáp án : B  **Câu 3 : Theo Hoài Thanh, điều cốt lõi mà thơ mới đưa đến cho thi đàn Việt Nam lúc bấy giờ là gì?**  A. Nỗi buồn  B. Cái ta  C. Cái tôi  D. Phong cách thơ mới  Chọn đáp án : C  **Câu 4 : Người trí thức, thanh niên thời đại đã giải quyết bi kịch bằng cách nào?**  A. Trốn tránh  B. Không tìm cách giải thoát  C. Thoát lên tiên  D. Gửi tâm hồn vào tiếng Việt  Chọn đáp án : D | |  |  | | --- | --- | | Tác giả | VD | | Thế Lữ | Trời cao xanh ngắt ô kìa / Hai con hạc trắng bay về Bồng Lai (*Tiếng sáo Thiên Thai)* | | Lưu Trọng Lư | Em không nghe rừng thu/ Lá thu kêu xào xạc/ Con nai…. (*Tiếng thu)* | | Nguyễn Nhược Pháp | Hôm nay đi chùa Hương/ Hoa cỏ mờ hơi sương/ Cùng thầy me em dậy….soi gương. *(Chùa Hương)* | | Huy Thông | Cờ Chư hầu đỏ rực như pha son/ Quằn quại cong trên nền trời lá mạ (*Tiếng địch sông Ô)* | | Chế Lan Viên | Có một người nghèo không biết Tết/ Mang lì chiếc áo độ thu tàn/ Có đứa trẻ thơ không biết khóc/ Vô tình bỗng nổi tiếng cười ran! *(Xuân)* | | Nguyễn Bính | *Tương tư* (Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông…) | | Xuân Diệu | *Vội vàng* | | Huy Cận | *Tràng Giang* | |

**RÚT KINH NGHIỆM:.....................................................................................................**